

BỘ THỦY SẢN
Số: 650/2000/QĐ-BTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

***Ban hành Quy chế Kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về
chất lượng hàng hoá thuỷ sản, thay thế Quyết định số 08/2000/QĐ-BTS ngày 07/01/2000***

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định 50/CP ngày 21/6/1994 của Chính phủ qui định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Nghị định 86/CP ngày 8/12/1995 của Chính phủ phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá;

Căn cứ Thông tư 02 TT/LB ngày 24/5/1996 của Liên Bộ Khoa học Công nghệ Môi trường - Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/CP;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy chế kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản*, thay thế *Quy chế* được ban hành theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BTS ngày 7/1/2000.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Các Ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản, Giám đốc Trung tâm Kiểm tra Chất lượng và Vệ sinh Thủy sản, Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có quản lý thủy sản chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

BỘ THỦY SẢN

cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 650/2000/QĐ-BTS ngày 04/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định phương thức, nội dung, trình tự kiểm tra, chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản và quyền hạn, trách nhiệm của các bên liên quan trong kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản.
2. Quy chế này áp dụng đối với các loại hàng hoá thuỷ sản xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ nội địa thuộc danh mục bắt buộc phải kiểm tra Nhà nước về chất lượng (sau đây gọi tắt là *Danh mục*). Sản phẩm thuỷ sản sử dụng cho cá nhân, hàng mẫu triển lãm, hội chợ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.
3. Tất cả các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá thuỷ sản thuộc *Danh mục* nói trên (sau đây gọi tắt là *Chủ hàng*) phải đăng ký kiểm tra và chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra, chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản (sau đây gọi tắt là *Cơ quan Kiểm tra*) theo quy định của Quy chế này.
4. Việc kiểm tra chất lượng các lô hàng xuất khẩu ngoài *Danh mục*, việc kiểm tra theo yêu cầu riêng của nước/khu vực thị trường nhập khẩu, hoặc kiểm tra theo yêu cầu của chủ hàng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Cơ quan Kiểm tra

1. Cơ quan Kiểm tra nói trong Quy chế này là các đơn vị được Liên Bộ Khoa học Công nghệ Môi trường và Thuỷ sản thống nhất chỉ định tại Thông tư số 02 TT/LB ngày 24/5/1996.
2. Phạm vi trách nhiệm kiểm tra Nhà nước về chất lượng của các Cơ quan Kiểm tra thuộc Bộ Thuỷ sản được quy định tại Thông tư số 03 TT/TCCB-LĐ ngày 19/8/1996 và các văn bản bổ sung, sửa đổi của Bộ Thuỷ sản.

Điều 3. Căn cứ để kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá

1. Căn cứ để kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản là các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Ngành Thuỷ sản, thuộc diện bắt buộc áp dụng; các quy định khác về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm do Bộ Thuỷ sản hoặc Bộ Y tế ban hành.
2. Đối với hàng thuỷ sản xuất khẩu, Cơ quan Kiểm tra được phép kiểm tra và chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn của nước nhập khẩu hoặc khu vực thị trường nhập khẩu, nếu mức chỉ tiêu chất lượng nêu trong tiêu chuẩn đó thoả mãn yêu cầu quy định tại các văn bản nói ở Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Các phương thức kiểm tra

1. Miễn kiểm tra: áp dụng cho các lô hàng thuỷ sản do cơ sở chế biến được Bộ Thuỷ sản công nhận đạt tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (loại A và loại B) sản xuất, được chính các cơ sở này đăng ký

kiểm tra để xuất khẩu hoặc tiêu thụ nội địa.

2. Kiểm tra giảm: áp dụng cho các lô hàng của những cơ sở sản xuất thủy sản có chất lượng ổn định, liên tục trong 6 tháng không có lô hàng nào bị cơ quan thẩm quyền trong và ngoài nước yêu cầu tái chế, trả về hoặc hủy bỏ.

3. Kiểm tra thông thường: áp dụng cho lô hàng của các cơ sở không thuộc diện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hàng hoá của các cơ sở nói tại Khoản 1 sẽ bị kiểm tra theo chế độ thông thường nếu cơ sở có lô hàng bị cơ quan kiểm tra nước ngoài yêu cầu trả về hoặc hủy bỏ; cơ sở chỉ được áp dụng chế độ miễn kiểm tra trở lại sau khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo kiểm soát an toàn thực phẩm và được Cơ quan Kiểm tra xác nhận.

Điều 5. Điều kiện để hàng hoá được nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ nội địa

Hàng hoá thuộc Danh mục chỉ được phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tiêu thụ nội địa khi được cấp một trong các văn bản sau đây:

1. *Giấy chứng nhận Chất lượng*, theo Mẫu 01 TS/KHCN, quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này.
2. *Thông báo Miễn kiểm tra Chất lượng*, theo Mẫu 02 TS/KHCN, quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ hàng

1. Tạo điều kiện cho Cơ quan Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ và cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy chế này;
2. Nộp phí kiểm tra cho Cơ quan Kiểm tra theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm của Cơ quan Kiểm tra

1. Thực hiện việc kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về chất lượng hàng hoá thủy sản theo đúng quy định trong phạm vi được phân công; đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan khi kiểm tra và chứng nhận;
2. Đăng ký với Bộ Thủy sản, Tổng cục Hải quan và các cơ quan hữu quan danh sách, chức danh và mẫu chữ ký của những người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Chất lượng hoặc Thông báo Miễn kiểm tra Chất lượng;
3. Lưu giữ hồ sơ kiểm tra và chứng nhận chất lượng hàng hoá thủy sản trong thời hạn 2 năm và xuất trình khi các cơ quan có trách nhiệm yêu cầu;

4. Lưu giữ và bảo quản đúng qui định các mẫu kiểm tra vi sinh và hoá học trong khoảng thời gian ít nhất 30 ngày kể từ ngày lấy mẫu;
5. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời khiếu nại của chủ hàng đối với việc kiểm tra chất lượng do cơ quan mình tiến hành;
6. Bồi thường vật chất cho chủ hàng về hậu quả do những sai sót trong việc kiểm tra và chứng nhận Nhà nước về chất lượng. Mức bồi thường có thể được thoả thuận từ một phần đến tối đa 10 lần phí kiểm tra đã thu đối với lô hàng;
7. Định kỳ hàng quý và hàng năm gửi báo cáo về công tác kiểm tra và chứng nhận chất lượng hàng hoá thuỷ sản cho Bộ Thuỷ sản theo quy định.

Điều 8. Quyền hạn của Cơ quan Kiểm tra

1. Yêu cầu chủ hàng cung cấp các hồ sơ có liên quan đến xuất xứ và chất lượng lô hàng đăng ký kiểm tra;
2. Ra vào nơi sản xuất, lưu giữ, bảo quản và vận chuyển hàng hoá thuỷ sản để lấy mẫu và kiểm tra;
3. Lấy mẫu và kiểm tra chất lượng lô hàng theo quy định tại Chương III của Quy chế này;
4. Lấy mẫu trên dây chuyền hoặc mẫu sản phẩm của cơ sở có nghi vấn nhằm mục đích giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở đó;
5. Cấp Giấy chứng nhận Chất lượng, Thông báo Miễn kiểm tra Chất lượng hoặc Thông báo lô hàng không đạt tiêu chuẩn cho chủ hàng;
6. Yêu cầu chủ hàng tiến hành các biện pháp xử lý lô hàng không đạt tiêu chuẩn chất lượng, theo dõi việc xử lý lô hàng theo đúng quy định. Kiến nghị cơ quan cấp trên xử lý đối với các trường hợp vượt quá thẩm quyền;
7. Thu phí kiểm tra theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Chương III

THỦ TỤC VÀ NỘI DUNG KIỂM TRA

Điều 9. Đăng ký và xác nhận đăng ký kiểm tra

1. Đối với mỗi lô hàng hoá thuỷ sản xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tiêu thụ nội địa thuộc Danh mục, chủ hàng phải gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá cho Cơ quan Kiểm tra.
2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:
 - a. *Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá thuỷ sản (2 bản), theo Mẫu 03 TS/KHCN quy định tại Phụ lục 3 Quy chế này;*
 - b. Bản kê chi tiết lô hàng;
 - c. Các yêu cầu riêng của nước nhập khẩu như đã nêu tại Khoản 2 Điều 3 Quy chế này.